

Bản án số: **105/2024/HNGĐ - PT**

Ngày: 09/7/2024

V/v: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Hạnh

Các thẩm phán: Ông Hoàng Chí Nguyễn.
Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thúy Hương, Thư ký viên chính.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số 42/2024/TLPT-HNGĐ ngày 26/03/2024 về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 05/2024/HNGĐ - ST ngày 31/01/2024 của Tòa án nhân dân quận C G, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 117/2024/QĐ-PT ngày 10/5/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2024/QĐ-PT ngày 19 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ông V N T**, sinh năm 1974.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: P508, B8, Tập thể Tòa án nhân dân Tối Cao, phường L H, quận Đ Đ, thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: Số 25, ngách 39/27, ngõ 45, V C C, tổ 14, phường N Đ, quận C G, thành phố Hà Nội. *(Có mặt)*

*** Bị đơn: Bà D T P**, sinh năm 1972

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: P508, B8, Tập thể Tòa án nhân dân Tối Cao, phường L H, quận Đ Đ, thành phố Hà Nội.

Nơi thường trú: Số 25, ngách 39/27, ngõ 45, V C C, tổ 14, phường N Đ, quận C G, thành phố Hà Nội. *(Có mặt)*

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà D T P: Luật sư N K D và luật sư D T X – Công ty Luật TNHH K A – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** *Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông V N T trình bày:***

- ***Về quan hệ hôn nhân:*** Ông V N T và bà D T P kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường L H, quận Đ Đ, thành phố Hà Nội ngày 22/01/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa T đến cuối năm 2018 đầu năm 2019, thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã về: công việc, cách giáo dục con cái, quan điểm sống không đồng nhất, đôi khi xảy ra xung đột cãi chửi nhau, mâu thuẫn vợ chồng với bên nội, bên ngoại về cách cư xử. Tuy sống chung trong một nhà nhưng vợ chồng đã ly thân từ đầu 2019. Trong quá trình đó đã nhiều lần vợ chồng nói chuyện, trao đổi nhưng đều bất thành do quan điểm không đồng nhất. Tháng 06 năm 2022, ông T đã có đơn khởi kiện xin ly hôn với bà P nhưng 03 lần tòa triệu tập nhưng bà P không đến tòa. Đến ngày 15/09/2022, ông T đã có đơn xin rút đơn khởi kiện đã nộp tại Tòa án Nhân dân quận C G (ngày 09/06/2022), với lý do để cải thiện quan hệ vợ chồng. Nhưng sau hơn 01 tháng tình cảm vợ chồng không được cải thiện theo mong muốn. Ngày 19/10/2022, ông T tiếp tục nộp đơn khởi kiện ly hôn với bà P nhưng sau 04 lần tòa triệu tập nhưng bà P không đến tòa. Nay, ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể giải quyết được, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông T đề nghị Tòa án giải quyết cho ông sớm được ly hôn bà P. Lời khai tại cấp phúc thẩm ông T đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà P để sớm ổn định cuộc sống.

- ***Về con chung:*** Ông bà có 01 con chung tên là cháu V T H (giới tính nữ) sinh ngày 28/12/2011. Ly hôn, ông T đồng ý để bà P được trực tiếp nuôi con chung. Ông T tự nguyện cấp dưỡng 3.000.000 đồng/01 tháng.

- ***Về tài sản chung và nhà ở chung:*** Ông T và bà P chỉ có tài sản chung duy nhất là nhà đất tại địa chỉ số 25, ngách 39/27 ngõ 45 Võ Chí Công, tổ 14 phường N Đ, quận C G, thành phố Hà Nội, ông T xin được tự thỏa T, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, ông T và bà P không có tài sản chung nào khác.

- ***Về nợ chung:*** Ông bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về án phí:*** Ông T đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** *Tại cấp sơ thẩm Bị đơn bà D T P vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.***

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 05/2024/HNGĐ - ST ngày 31/01/2024 của Tòa án nhân dân quận C G, thành phố Hà Nội đã quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh V N T đối với chị D T P. Anh V N T được ly hôn chị D T P.

2. Về con chung: Anh V N T và Chị D T P có 01 con chung tên là V T H (Sinh ngày 28/12/2011). Giao cháu V T H cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn cấp

đưỡng nuôi con chung đối với anh T đến khi chị P có yêu cầu hoặc có quyết định thay đổi khác của pháp luật.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, chị P và những người thân trong gia đình chị P không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và các khoản nợ: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/02/2024, bị đơn là bà D T P có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 05/2024/HNGĐ - ST ngày 31/01/2024 của Tòa án nhân dân quận C G vì cho rằng bản án sơ thẩm chưa đúng quy định của pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà P.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn là bà D T P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà D T P và ông V N T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường L H, quận Đ Đ, thành phố Hà Nội ngày 22/01/2008. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống tại phòng 508 B8 tập thể Tòa án nhân dân Tối cao. Đến năm 2010, ông bà chuyển về ở tại số nhà 25, tổ 14, phường N Đ, quận C G, TP Hà Nội. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng sống hòa T. Sau đó, vì bà chỉ sinh được một con gái nên vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do bố mẹ chồng bà yêu cầu vợ chồng bà phải sinh con trai và gây áp lực với vợ chồng bà. Bà và ông T cũng đã cố gắng chữa trị nhưng mãi vẫn chưa sinh được con trai theo ý nguyện bố mẹ chồng. Bố mẹ chồng quá thúc ép, tác động vợ chồng bà, yêu cầu phải đẻ được con trai dẫn đến ông T đối xử với vợ con không tốt, có lúc anh T còn chửi, đánh bà và con gái... Tuy nhiên, sau những lần bị ông T đánh, chửi như vậy thì bà vẫn nhẫn nhịn, chịu đựng bố mẹ chồng và chồng để vợ chồng chung sống được với nhau đến ngày hôm nay. Năm 2022, ông T có làm đơn ly hôn sau đó tự rút đơn, bà P cho rằng ông T vẫn còn tình cảm với vợ con nhưng do áp lực của gia đình yêu cầu chồng bà phải đẻ con trai nên ông T mới làm đơn ly hôn bà. Nay bà không đồng ý ly hôn ông T do còn tình nghĩa vợ chồng và bà muốn con bà có bố, không gây tổn thương cho con, không muốn đánh mất đi tương lai của con trẻ ... Bà P đề nghị Tòa án tiếp tục hòa giải cho ông bà đoàn tụ nuôi dạy con cái.

Về con chung: Ông bà có một con chung là cháu V T H (giới tính nữ) sinh ngày 28/12/2011. Trong trường hợp Tòa cho ly hôn thì bà P có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con: 7.000.000 đồng/ 01 tháng cho đến khi

cháu H đủ 18 tuổi. Bà P trình bày: Bà phải chi phí nuôi con hết khoảng: 18.000.000 đồng/tháng; Cụ thể: Tiền học chính khóa ở trường, học thêm tiếng Anh, Văn, Toán, Ngoại ngữ, các môn nghệ thuật, sinh hoạt phí, chi phí khám chữa bệnh phát sinh khác...

Về tài sản chung và nhà ở chung:

+ **Về nhà ở chung:** Bà P và ông T có nhà ở chung tại số 25, ngách 39/27 ngõ 45 Võ Chí Công, tổ 14 phường N Đ, quận C G, thành phố Hà Nội, số GCNQSDĐ BD 161656 thửa số 25, tổ 18 (nay là tổ 14), tờ bản đồ số 10 do UBND quận C G cấp ngày 13/12/2010, nguồn gốc mua từ năm 2010, là tài sản chung của vợ chồng nhưng công sức chủ yếu là do bà P đóng góp. Ly hôn, bà P đề nghị Tòa giải quyết chia tài sản cho bà P được quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 25, ngách 39/27 ngõ 45 Võ Chí Công, tổ 14 phường N Đ, quận C G, thành phố Hà Nội để bà P có thể nuôi dưỡng cháu V T H.

+ **Về tiền mặt:** Hiện nay, ông T đang cầm sổ tiết kiệm và tiền chung của 2 vợ chồng, cụ thể: Ông T hiện đang cầm Sổ tiết kiệm ngân hàng tên V N T số tiền là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) chưa tính lãi theo kỳ hạn, số tài khoản gửi 3033116737 tại ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng VPBank ngày 30/10/2023, tiếp tục đáo hạn tiếp tục gửi kỳ hạn 3 tháng từ 30/01/2024, tiếp tục đáo hạn tiếp tục gửi kỳ hạn 3 tháng từ 02/05/2024. Tiền mặt hiện nay ông T cũng đang cầm khoảng 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng Việt Nam), 28.000 Euro (Hai mươi tám nghìn Euro). Bà P đề nghị Tòa án giải quyết chia toàn bộ khoản tiền này cho ông bà, mỗi người được hưởng ½ khoản tiền trên và số tiền lãi của khoản tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng).

Về nợ chung: Ông bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà P đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà D T P trình bày đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà P.

- **Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông V N T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án y án sơ thẩm và trình bày như sau:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông T xác định tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và không còn khả năng đoàn tụ. Ông T tha thiết xin được ly hôn bà P để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông T đồng ý để bà P được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu V T H (giới tính nữ) sinh ngày 28/12/2011; Ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung và nhà ở chung: Ông T và bà P chỉ có tài sản chung duy nhất là nhà đất tại địa chỉ số 25, ngách 39/27 ngõ 45 Võ Chí Công, tổ 14 phường N Đ, quận C G, thành phố Hà Nội, ông T xin được tự thỏa T, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, ông T và bà P không có tài sản chung nào khác.

Đối với khoản tiền bà P trình bày tại phiên tòa: Trước ngày 09/7/2024, bà P đã tự động mở cửa phòng ở riêng của ông T, mở khóa từ, khóa cặp số để tại phòng riêng của ông T để lấy số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng Việt Nam) và 28.000 Euro (Hai mươi tám nghìn Euro); Số tiền này là của em gái ông T tên là V T L H ở bên Pháp về Việt Nam chơi và gửi cho ông T giữ hộ một thời gian. Tài sản này không phải của ông T. Đến nay bà P chưa trả lại cho ông T số tiền trên. Ông T sẽ khởi kiện đòi bà P số tiền nêu trên trong một vụ án dân sự khác. Đối với số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) được gửi trong Sổ tiết kiệm đứng tên ông T có nguồn gốc do người thân của ông T nhờ gửi Ngân hàng hộ. Sau đó, để tránh cho bà P hiểu nhầm thì ông T đã rút toàn bộ số tiền trên trả lại cho người thân.

Tại phiên tòa phúc thẩm, cháu Hà có mặt và trình bày nguyện vọng được ở với mẹ.

Các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án đồng thời giữ quan điểm giải quyết tại cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử phúc thẩm. Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, ý kiến của các bên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội có ý kiến như sau:

Về tình cảm: Mâu thuẫn giữa ông T và bà P đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ông T không còn tình cảm và kiên quyết xin được ly hôn bà P nên Bản án sơ thẩm tuyên cho ông T được ly hôn với bà P là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T đối với bà P.

Về con chung: Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu V T H cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ. Xem xét về điều kiện công việc, mức thu nhập của ông T thì mức cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật về trách nhiệm, nghĩa vụ của bố mẹ với con cái. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm: tuyên ông T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/01 tháng.

Về tài sản chung và nhà ở chung: Ông T khai ông và bà P chỉ có tài sản chung duy nhất là nhà đất tại địa chỉ số 25, ngách 39/27 ngõ 45 Võ Chí Công, tổ 14 phường N Đ, quận C G, thành phố Hà Nội, ông T xin được tự thỏa T, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, ông T và bà P không có tài sản chung nào khác. Tại cấp sơ thẩm, tài sản này ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét. Tại cấp phúc thẩm, bà P khai: ngoài tài sản chung là nhà, đất nêu trên, thì ông bà còn có 1 sổ tiết kiệm trị giá 600.000.000 đồng mang tên

V N T và số tiền mặt là 200.000.000 đồng và 28.000 Euro (Hai mươi tám nghìn Euro). Nếu Tòa án xử cho ông bà ly hôn, bà P đề nghị được giao quyền sở hữu nhà đất nói trên; đồng thời được chia $\frac{1}{2}$ số tiền kiệm, tiền lãi và số tiền mặt. Nội dung yêu cầu chia tài sản nêu trên của bà P đã vượt quá phạm vi Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử nên không được xem xét trong phiên tòa phúc thẩm.

Về nợ chung: Ông bà trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Từ những lý do trên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm: Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn bà D T P.

Áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS 2015: Sửa bản án HNGĐ sơ thẩm số 05/2024/HNGĐ – ST ngày 31/1/2024 của Tòa án nhân dân quận C G về vấn đề cấp dưỡng: Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà P là 3.000.000 đồng/01 tháng, cho đến khi cháu V T H thành niên hoặc khi có sự thay đổi khác.

Sau khi xem xét, đánh giá khách quan toàn diện những tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ngày 07/11/2022, ông V N T có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với bà D T P có nơi thường trú: Số 25, ngách 39/27, ngõ 45, Võ Chí Công, tổ 14, phường N Đ, quận C G, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận C G thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quan hệ pháp luật của vụ án xác định là tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 31/01/2024, Tòa án nhân dân quận C G xét xử sơ thẩm và tuyên án. Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 07/02/2024, bị đơn bà P đã nộp đơn kháng cáo, ngày 08/03/2024, bà P đã nộp tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm nên vụ án được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về thủ tục tố tụng của cấp sơ thẩm: Bị đơn bà P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đơn kháng cáo của bà P kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo về hình thức là hợp lệ.

[2] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của bà P, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà D T P tự nguyện kết hôn ngày 22/01/2008, có đăng ký kết hôn tại UBND phường L H, quận Đ Đ. Thành phố Hà Nội. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa Ông T và bà D T P là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông T, Hội đồng xét xử nhận thấy, theo lời khai của ông T trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa T đến cuối năm 2018 đầu năm 2019, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa vợ chồng luôn

bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi cọ trong chuyện gia đình về: công việc, cách giáo dục con cái, quan điểm sống không đồng nhất, đôi khi xảy ra xung đột cãi chửi nhau, mâu thuẫn vợ chồng với bên nội, bên ngoại về cách cư xử. Vợ chồng hiện nay vẫn sống chung nhà nhưng đã ly thân từ đầu 2019. Trong quá trình đó đã nhiều lần vợ chồng nói chuyện, trao đổi nhưng đều bất thành do quan điểm không đồng nhất. Tháng 06 năm 2022, ông T đã có đơn khởi kiện xin ly hôn với bà P nhưng 03 lần tòa triệu tập nhưng bà P không đến tòa. Đến ngày 15/09/2022, ông T đã có đơn xin rút đơn khởi kiện đã nộp tại Tòa án Nhân dân quận Cầu Giấy (ngày 09/06/2022), với lý do để cải thiện quan hệ vợ chồng. Nhưng sau hơn 01 tháng tình cảm vợ chồng không được cải thiện theo mong muốn. Ngày 19/10/2022 ông T tiếp tục nộp đơn khởi kiện ly hôn với bà P nhưng sau 04 lần tòa triệu tập nhưng bà P không đến tòa. Nay cấp sơ thẩm đã xét xử cho ông T được ly hôn. Bà P không đồng ý ly hôn ông T và kháng cáo xin đoàn tụ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Bà P không đồng ý ly hôn nhưng không đưa được giải pháp hòa giải để thuyết phục ông T đoàn tụ gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy: Mục đích của hôn nhân là xây dựng cuộc sống chung hạnh phúc giữa vợ và chồng, giữa vợ chồng phải cùng nhau quan tâm, chia sẻ, thương yêu và tôn trọng. Xét mâu thuẫn của ông bà đã tồn tại nhiều năm, ngày càng trầm trọng. Đến nay ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục, ông T tha thiết xin ly hôn bà P để sớm ổn định cuộc sống. Tòa án sơ thẩm chấp nhận đơn xin ly hôn của ông T là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Ông T và bà P có 01 con chung tên là V T H, giới tính nữ, sinh ngày 28/12/2011. Bà P có nguyện vọng được nuôi cháu V T H; Yêu cầu ông T cấp dưỡng 7 triệu đồng/ tháng.

Xét nguyện vọng được nuôi con của ông bà là chính đáng. Tuy nhiên, việc nuôi con phải căn cứ vào quyền lợi và nguyện vọng của các con chung. Cháu H là con gái, lại còn nhỏ, cần sự yêu thương và chăm sóc của mẹ. Tòa án cấp sơ thẩm giao con chung cho bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là đảm bảo để cháu có điều kiện phát triển toàn diện về mọi mặt; thể chất, trí tuệ, tinh thần và phát huy tốt tiềm năng của bản thân, không làm xáo trộn sinh hoạt, ảnh hưởng đến cuộc sống hiện nay của cháu. Tại phiên tòa phúc thẩm, cháu Hà trình bày nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, căn cứ theo khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Hà cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con, tại cấp phúc thẩm bà P yêu cầu ông T đóng góp 7 triệu đồng/ tháng. Tuy nhiên, căn cứ Quyết định số 407/QĐ – TTTT ngày 31/12/2021 của Giám đốc Trung tâm Truyền thông tài nguyên và môi trường về việc bổ nhiệm và xếp lương ngạch chuyên viên của cá nhân ông T; Quyết định số 04/QĐ – TTTT ngày 14/01/2022 của Giám đốc Trung tâm Truyền thông tài nguyên và môi

trường về việc nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ của ông T thể hiện lên bậc 6/9 hệ số 3,99 ngạch chuyên viên, mã số 01.003 kể từ ngày 01/02/2022. Mức lương thực lĩnh của ông T 03 tháng gần đây là: 7.300.000 đồng/tháng; Sau khi trừ bảo hiểm ông T được thực lĩnh: 6.400.000 đồng/tháng. Nay ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/ 01 tháng là phù hợp với khả năng thực tế của ông T. Không có căn cứ chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 7 triệu/ tháng của bà P.

[2.3] Về tài sản, nhà ở chung và nhà ở chung:

Tại cấp sơ thẩm, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nhà ở chung nên Tòa không xem xét. Tại cấp phúc thẩm, ông T cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nhà ở chung.

Tại cấp phúc thẩm bà P đề nghị Tòa án chia cho bà được sở hữu tài sản chung vợ chồng là 01 nhà đất tại số 25, ngách 39/27 ngõ 45 Võ Chí Công, tổ 14 phường N Đ, quận C G, thành phố Hà Nội. Ngoài ra, bà P yêu cầu Tòa án chia cho bà được sở hữu $\frac{1}{2}$ số tiền 600.000.000 đồng hiện đang gửi ở tại khoản mang tên V N T tại VPBank (và khoản tiền lãi của số tiền này), số tiền mặt là 200.000.000 đồng và 28.000 Euro (Hai mươi tám nghìn Euro) mà ông T đang giữ. Ông T trình bày: Ông T và bà chỉ có tài sản chung duy nhất là nhà đất tại địa chỉ số 25, ngách 39/27 ngõ 45 Võ Chí Công, tổ 14 phường N Đ, quận C G, thành phố Hà Nội, ông T xin được tự thỏa T, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, ông T và bà P không có tài sản chung nào khác.

Do Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết phần nội dung tranh chấp tài sản chung trong vụ án, căn cứ điều 293 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu kháng cáo phần nội dung này của bà P là vượt quá phạm vi xét xử phúc thẩm nên Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở xem xét giải quyết tại cấp phúc thẩm.

Dành quyền khởi kiện về việc yêu cầu chia tài sản chung đối với ông T cho đến khi bà P có yêu cầu.

[2.4] Về nợ chung: Ông T và bà P xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Luận cứ của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà D T P có căn cứ một phần nên được chấp nhận.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà P có căn cứ một phần để chấp nhận. Do đó, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà D T P, sửa án sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bà P được chấp nhận một phần nên bà P không phải chịu án phí phúc thẩm.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 308 và Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 26; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bà D T P. Sửa một phần Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 05/2024/HNGĐ - ST ngày 31/01/2024 của Tòa án nhân dân quận C G, thành phố Hà Nội về việc “Tranh chấp ly hôn”, cụ thể:

- 1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông V N T đối với bà D T P. Ông V N T được ly hôn với bà D T P.
- 2. Về con chung:** Ông V N T và bà D T P có 01 con chung là cháu V T H (giới tính nữ) sinh ngày 28/12/2011. Nay ly hôn, giao cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng cháu V T H cho đến khi con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thay thế.
Về cấp dưỡng: Ông T cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/01 tháng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung được thực hiện từ tháng 7 năm 2024 cho đến khi con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thay thế.
Ông V N T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung: Không giải quyết yêu cầu phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà P và ông T trong cùng vụ án.

Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung sau ly hôn để được Tòa án xem xét giải quyết bằng vụ án khác (nếu có) .

4. Về công nợ chung: Ông V N T và bà D T P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí:

5.1 Về án phí sơ thẩm: Ông V N T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí sơ thẩm ông V N T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018897 ngày 07/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C G, thành phố Hà Nội. Ghi nhận việc ông T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Ông V N T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. (Chưa nộp)

5.2 Về án phí phúc thẩm:

- Bà D T P không phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm. Trả lại cho bà P số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000451 ngày 08/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C G, thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND quận C G;
- Chi cục THADS quận C G;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bích Hạnh

